

Số: 13 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mỏ-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất theo quy định hiện hành. 

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD



Chủ tịch

Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất
(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,33	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	5				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	3				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6		4,43	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,03					46		92		





PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật mỏ (KT mỏ) của Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT mỏ giai đoạn 2015-2019 cho thấy, Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu Giáo dục đại học Việt Nam, với Sứ mạng và Mục tiêu của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ. Chuẩn đầu ra thể hiện được mục tiêu của CTĐT, xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức và vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu đào tạo, cân đối về tỷ lệ các khối kiến thức, có cập nhật kiến thức mới về lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, với hình thức đa dạng, được triển khai theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Công tác cán bộ được xây dựng và triển khai căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ của sinh viên được thiết lập và triển khai; các hoạt động hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tư vấn việc làm cho sinh viên, tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp có sự tham gia của các kỹ sư giàu kinh nghiệm ngoài Trường,... được chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, chức năng nhiệm vụ được quy định rõ ràng; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được thiết lập và triển khai.

Tuy nhiên, CTĐT KT mỏ vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở

khảo sát các bên liên quan, phù hợp với đặc thù của CTĐT, cụ thể hóa Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường và Chiến lược phát triển lĩnh vực Mô-Địa chất của quốc gia. Cần xác định cụ thể hơn các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám sát yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra CTĐT đến đầy đủ các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT. Cần chuẩn hóa quy trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm tăng tính thống nhất và hiệu quả trong quản lý, triển khai và kiểm soát. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần để các bên liên quan dễ dàng nắm bắt, xây dựng kế hoạch và thực hiện.

3. Cần rà soát ma trận chuẩn đầu ra đảm bảo đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và xác định được sự đóng góp của tất cả các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra. Cần bảo đảm nội dung kiến thức của các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Cần chú ý đối sánh các CTĐT tiên tiến, tham khảo đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về triết lý giáo dục đến các bên liên quan. Cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học, chú ý kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kết hợp giảng dạy chuyên môn với trang bị tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp cho người học. Chú trọng đẩy mạnh triển khai hình thức đào tạo E-learning, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học. Các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đánh giá được năng lực của người học, đặc biệt là mức độ đạt được các chuẩn về kỹ năng và thái độ. Cần có hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên, cũng như hệ thống theo dõi, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập với mục đích đưa ra các cảnh báo, thúc đẩy và hỗ trợ người học kịp thời. Cần chú trọng nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung những chính sách mới, cập nhật

về công tác cán bộ. Cần rà soát, điều chỉnh những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, gia tăng cường các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng hay hướng thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn để phát huy tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của các nhóm nghiên cứu. Cần chú trọng khảo sát lấy ý kiến về việc giám sát khối lượng và chất lượng công việc được giao của cán bộ, giảng viên để có kế hoạch cải tiến.

7. Cần rà soát, đánh giá vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả công việc. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tế, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT. Cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học có năng lực vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa khọc kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ dạy học theo mô hình công nghệ số tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần khẩn trương nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi đầy đủ, đồng bộ của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong

phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo của CTĐT KT mở với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 

Số: 14 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.



2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá ngoài chất lượng Chương trình đào tạo
Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mở-Địa chất
 (Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,33	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	5				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	3				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chuẩn 3		Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	5						
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.4	5						
Tiêu chí 3.3	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4	Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6		4,43	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
				Tiêu chí 11.5	4				
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,03					46		92		





PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật tuyển khoáng (KT tuyển khoáng) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT tuyển khoáng giai đoạn 2014-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với xu thế phát triển của ngành, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam, được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra, được phổ biến công khai đến các bên liên quan. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát, điều chỉnh định kỳ, được phổ biến đến người học; nội dung và cấu trúc của CTĐT được thiết kế cơ bản phù hợp, phân bố hợp lý; các hoạt động dạy và học đa dạng, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với mục tiêu đào tạo. Năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được quản lý và đánh giá theo quy trình với các tiêu cụ thể. Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện sức khỏe. Dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên trong quá trình học tập được thiết lập, giám sát; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của CTĐT có việc làm và đáp ứng yêu cầu công việc cao. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập và triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT tuyển khoáng vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được định kỳ rà soát, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát các bên liên quan, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và Chiến lược phát triển lĩnh vực Mỏ-Địa chất của quốc gia. Cần xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chú ý đến công cụ, tiêu chí đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Cần đa dạng hóa các hình thức công khai, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra đến các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần; cần chuẩn hóa quy trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm tăng tính hiệu quả



và thống nhất trong quản lý, triển khai và kiểm soát. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng nắm bắt, tham gia hiệu quả nhằm đạt được chuẩn đầu ra;

3. Cần rà soát, điều chỉnh ma trận chuẩn đầu ra đầy đủ, cấu trúc hợp lý về kiến thức, kỹ năng và đo lường được sự đóng góp của các học phần, đảm bảo nội dung kiến thức cơ bản và cập nhật của các học phần chuyên tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai, đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của CTĐT đến các bên liên quan. Triết lý và Mục tiêu giáo dục cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của CTĐT. Cần đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học, chú ý kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kết hợp giảng dạy chuyên môn với trang bị tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp cho người học; chú trọng đẩy mạnh triển khai hình thức đào tạo E-learning, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học, hướng tới hình thành và rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra/đánh giá theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với những tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá; cần có hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung cập nhật những chính sách về công tác cán bộ. Cần hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; triển khai công tác quản lý, đánh giá việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các chỉ số cụ thể. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, tăng cường các nghiên cứu mang tính liên ngành, ứng dụng hay hướng thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn để phát huy tiềm năng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của

các nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh.

7. Cần rà soát, đánh giá, vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả công việc. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tế, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học có năng lực vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong SV, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số trong dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần khẩn trương nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong có cấu trúc phân cấp, liên thông giữa các mảng dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hàng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc

làm và làm đúng ngành nghề đào tạo của CTĐT KT tuyển khoáng với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 

Số: 15 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
Chủ tịch

Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo
Kỹ sư Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất
 (Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6		4,43	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,00				46		92			





PHỤ LỤC 2

Cải thiện chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ (KT Trắc địa-Bản đồ) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT Trắc địa-Bản đồ giai đoạn 2014-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với xu thế phát triển của ngành, với mục tiêu GDĐH Việt Nam, được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra, được phổ biến tới cán bộ, giảng viên và người học. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được định kỳ rà soát, cập nhật, được phổ biến đến người học; nội dung và cấu trúc của CTĐT được thiết kế cơ bản phù hợp, phân bổ hợp lý; các hoạt động dạy và học đa dạng, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, hướng đến đạt được chuẩn đầu ra. Công tác phát triển đội ngũ được xây dựng và thực hiện căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá chặt chẽ. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và triển khai hiệu quả; các hoạt động tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp có sự tham gia của các kỹ sư giàu kinh nghiệm ngoài Trường, sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tư vấn việc làm cho sinh viên... được chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, chức năng nhiệm vụ được quy định rõ ràng, phù hợp; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc tốt, được nhà tuyển dụng hài lòng về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải thiện chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT Trắc địa-Bản đồ vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải thiện chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với đặc thù của CTĐT, với Tầm nhìn, Sứ mạng và mục tiêu “đào tạo nhân lực có chất lượng cao” của Nhà trường; cần xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám

sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và hướng tới tăng khả năng thích ứng của SV tốt nghiệp CTĐT với những thay đổi của thị trường lao động, chuyển dịch nghề nghiệp trong điều kiện hiện nay; cần kịp thời và đa dạng hóa các hình thức công khai, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra đến các bên liên quan; mở rộng số lượng và thành phần khảo sát để nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan một cách đầy đủ và phản ánh chính xác nhu cầu của thị trường lao động.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần, thể hiện sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học cần thể hiện đầy đủ về kiến thức, kỹ năng cần đạt được, cần bổ sung nguồn lực để thực hiện CTĐT, nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, thiết bị dạy và học, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Cần nghiên cứu tăng thời gian thực hành, thực tế, hoạt động trải nghiệm, hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng mềm, năng lực khởi nghiệp, năng lực ngoại ngữ để đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Nên xem xét điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bố trí giảng dạy một số học phần cơ sở ngành vào các học kỳ của năm thứ nhất để tăng sự hiểu biết và sự đam mê ngành nghề của sinh viên ngay từ năm đầu. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ, đồng bộ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong rà soát điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần chú trọng hướng dẫn cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của CTĐT chuyển tải Triết lý giáo dục của Nhà trường vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá của CTĐT, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý giáo dục của Trường và mục tiêu giáo dục của CTĐT đến các bên liên quan. Cần tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng các phương pháp dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược, các khóa học trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học...; các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá. Cần có hình thức giám sát, đánh

giá phù hợp đối với thời gian tự học. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung những chính sách mới, cập nhật về công tác cán bộ. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, tăng cường các nghiên cứu mang tính liên ngành, ứng dụng hay hướng thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn để phát huy tiềm năng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của các nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh.

7. Cần rà soát, đánh giá, vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, quản trị theo năng lực, quản trị theo kết quả đầu ra, chú ý thực hiện phân công và giám sát công việc cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cho CTĐT theo quy định, để đảm bảo người học được hỗ trợ tốt nhất cả về chuyên môn và hành chính. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo yêu cầu thực tế, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, liên tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học giỏi vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong SV, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số trong dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần khẩn trương nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi đầy đủ, đồng bộ của các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo của CTĐT KT Trắc địa-Bản đồ với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

Số: 16/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí
Trường Đại học Mở-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
Chủ tịch

Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo
Kỹ sư Kỹ thuật dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất
 (Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6		4,43	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,00					46		92		

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
 CÔNG ĐẠI HỌC



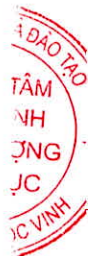
PHỤ LỤC 2

Các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật Dầu khí của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật Dầu khí (KT Dầu khí) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT KT Dầu khí giai đoạn 2014-2019 cho thấy, Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu Giáo dục đại học Việt Nam, với Sứ mạng và Mục tiêu của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức và vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học có sự cân đối về tỷ lệ các khối kiến thức, phù hợp với mục tiêu CTĐT, có cập nhật những kiến thức mới về lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành. Các hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, với các hình thức đa dạng, được triển khai thực hiện đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Công tác phát triển đội ngũ được xây dựng và thực hiện căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và triển khai; các hoạt động tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp có sự tham gia của các kỹ sư giàu kinh nghiệm ngoài Trường, sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tư vấn việc làm cho sinh viên... được chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao đáp ứng tốt yêu cầu công việc về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập và triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.



Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT Dầu khí vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Cần xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra CTĐT bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chú ý đến những năng lực học tập suốt đời của người học; cần được cải tiến theo hướng cụ thể, chuyên biệt và rõ ràng, đảm bảo đo lường được năng lực người học. Cần chú trọng sự tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra; tăng cường các hình thức công khai, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần; nội dung đề cương chi tiết cần xác định rõ mức độ đóng góp của từng chuẩn đầu ra học phần đối với chuẩn đầu ra CTĐT, mối liên hệ của các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với từng chuẩn đầu ra học phần và/hoặc chuẩn đầu ra CTĐT. Chuẩn đầu ra mỗi học phần cần được xác định rõ ràng và có thể đo lường được. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Cần rà soát và hệ thống hoá các CDR theo các cấp độ (tổng quát, chuyên biệt), từ đó thiết kế và cải tiến chương trình dạy học theo hướng đáp ứng chuẩn đầu ra cụ thể và rõ ràng hơn. Cần rà soát, lựa chọn và sắp xếp các học phần hợp lý hơn và hệ thống theo từng nhóm nhằm hỗ trợ cho việc đạt từng chuẩn đầu ra của CTĐT. Nên nghiên cứu, xem xét cấu trúc lại các học phần nhóm đồ án theo mô hình CDIO (Conceive-Design-Implement-Operate: Hình thành ý tưởng-Thiết kế-Thực hiện-Vận hành).

4. Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của CTĐT. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về triết lý giáo dục đến các bên liên quan. Cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học, chú ý kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kết hợp giảng dạy chuyên môn với trang bị tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp cho người học. Chú trọng đẩy mạnh triển khai hình thức đào tạo E-learning, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học.... Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần hướng tới hình thành và phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần xây dựng hệ thống các rubrics đánh giá, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cần có hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên cũng như hệ thống theo dõi, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập với mục đích đưa ra các cảnh báo tự động, kịp thời nhằm

thúc đẩy và hỗ trợ người học theo kịp tiến độ đào tạo cũng như cải thiện kết quả học tập hiệu quả.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung những chính sách mới, cập nhật về công tác cán bộ. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, gia tăng các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng hay thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của các nhóm nghiên cứu.

7. Cần nghiên cứu áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả công việc. Cần rà soát, đánh giá, vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tế, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học giỏi vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong SV, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số vào dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần sớm nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển

CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, quá trình học tập, tốt nghiệp và tình hình việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên CTĐT KT Dầu khí với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu đầy đủ, tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 

Số: 17/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ thông tin
Trường Đại học Mở-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong *Phụ lục 1*).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.



2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành. 

TM. HỘI ĐỒNG KBCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo
Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất**
(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm
định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3,97					45		90		





PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Công nghệ thông tin của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Công nghệ thông tin (CNTT) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ CNTT giai đoạn 2014-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam, được phổ biến rộng rãi. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức và vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học được thiết kế phù hợp, phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức; đề cương chi tiết các học phần đầy đủ nội dung theo quy định, có cập nhật những kiến thức mới về khoa học chuyên ngành. Hoạt động dạy và học đa dạng, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý và đánh giá theo quy trình với các tiêu chí cụ thể. Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện trong quá trình học tập. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện để hỗ trợ các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện, sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập, tình trạng tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, giám sát; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của CTĐT có việc làm và đáp ứng yêu cầu công việc cao. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, đánh giá và sử dụng trong cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư CNTT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu của CTĐT cần được điều chỉnh hướng đến các mục tiêu cụ thể là tiềm năng và thể mạnh của Trường/Khoa, chú trọng hơn đến năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực tự học và học tập suốt đời của sinh viên. Chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh theo hướng áp dụng cách tiếp cận khoa học (Bloom, SMART,...), đảm bảo đo lường và đánh giá được, chú ý đến sự phù hợp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ



và trách nhiệm của người học. Cần huy động đầy đủ và hiệu quả hơn sự tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT; tăng cường hơn nữa việc phổ biến, công khai mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT đến các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT, bổ sung các yêu cầu về nguồn lực để đạt được chuẩn đầu ra. Đề cương chi tiết các học phần cần xác định rõ mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra học phần đối với chuẩn đầu ra CTĐT, sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với chuẩn đầu ra học phần và/hoặc chuẩn đầu ra CTĐT. Chuẩn đầu ra của mỗi học phần cần được xác định rõ ràng, có thể đo lường được. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Cần rà soát, điều chỉnh ma trận chuẩn đầu ra đầy đủ, cấu trúc hợp lý về kiến thức, kỹ năng và đo lường được sự đóng góp của các học phần, đảm bảo nội dung kiến thức cơ bản và cập nhật của các học phần chuyển tải được chuẩn đầu ra, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai, đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường/CTĐT đến các bên liên quan. Triết lý và Mục tiêu giáo dục cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá. Cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học, chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học, triển khai hình thức đào tạo E-learning,...; chú ý kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kết hợp giảng dạy chuyên môn với trang bị tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp cho người học. Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần hướng tới hình thành và phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra. Cần xây dựng hệ thống các rubrics đánh giá, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cần có các hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên cũng như hệ thống theo dõi, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập để đưa ra được các cảnh báo, thúc đẩy và hỗ trợ người học kịp thời. Cần cần chú trọng nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung cập nhật những chính sách về công tác cán bộ. Cần hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; triển khai công tác quản lý, đánh giá việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các chỉ số cụ thể. Cần rà soát các quy định, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp. Cần có giải pháp gia tăng hoạt động khoa học công nghệ theo hướng thương mại hóa, gắn liền với nhu cầu thực tiễn, phát huy tiềm năng và thể mạnh của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên CNTT.

7. Cần rà soát, đánh giá công việc thực tế của đội ngũ nhân viên để hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả hoạt động. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên; xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên theo yêu cầu thực tế.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học phù hợp vào học CTĐT. Cần tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, chú trọng việc tổ chức các seminar học thuật, hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật; thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm; tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư phát triển thư viện điện tử và bổ sung nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số trong dạy học, tiếp cận yêu cầu của giáo dục thời đại 4.0. Cần có giải pháp đảm bảo nâng cao chất lượng công tác vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt của người khuyết tật.

10. Cần tăng cường việc thu thập ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần gia tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú trọng việc chuyển tải các kết quả nghiên cứu thành nội

dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo... của CTĐT CNTT với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần đảm bảo đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đúng quy định. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường việc làm của sinh viên; cần tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

Số: 18 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong *Phụ lục 1*).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	3			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,60	3	60
Tiêu chí 5.1	3			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	5			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			
Mức trung bình		Số tiêu chí đạt		
3,97		44		
		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
		88		

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			



PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng (KT XD) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT KT XD giai đoạn 2015-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam, thể hiện được yêu cầu riêng của ngành kỹ thuật xây dựng trong lĩnh vực Mở-Địa chất. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học có sự cân đối về tỷ lệ các khối kiến thức, phù hợp với mục tiêu CTĐT, có cập nhật những kiến thức mới. Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, với các hình thức đa dạng, được triển khai thực hiện đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Công tác phát triển đội ngũ được xây dựng và thực hiện căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ □□□□□□ □□□□ trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và triển khai; các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên... được chú trọng. Hạ tầng cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản lý, giám sát, theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và vận hành hiệu quả. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT XD vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu của CTĐT cần được bổ sung năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực tự học và học tập suốt đời, năng lực hướng dẫn và phổ biến kiến thức của người học. Chuẩn đầu ra cần rà soát, điều chỉnh, đảm bảo đo lường và đánh giá được, chú ý đến sự phù hợp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Cần huy động đầy đủ và hiệu quả hơn sự tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát, điều chỉnh

mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT; tăng cường hơn nữa việc phổ biến, công khai mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT đến các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ; ma trận chuẩn đầu ra cần thể hiện rõ nét sự đóng góp của học phần, sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra mỗi học phần cần được xác định rõ ràng hơn và có thể đo lường được. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học cần thể hiện đầy đủ về kiến thức, kỹ năng thái độ mà người học cần đạt được, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được chuẩn đầu ra CTĐT, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai. Cần bổ sung đầy đủ nguồn lực để thực hiện CTĐT, nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị dạy và học. Các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong rà soát điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường/CTĐT đến các bên liên quan. Triết lý và Mục tiêu giáo dục cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá. Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học, hình thức đào tạo trực tuyến, nghiên cứu vận dụng các phương pháp dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược.. phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần hướng tới hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần bổ sung ma trận thể hiện sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung cập nhật những chính sách về công tác cán bộ. Cần hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; triển khai công tác quản lý, đánh giá việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các chỉ số cụ thể. Cần rà soát các quy định, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập và bồi

dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp. Cần có giải pháp gia tăng hoạt động khoa học công nghệ theo hướng thương mại hóa, gắn liền với nhu cầu thực tiễn.

7. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả hoạt động. Cần rà soát, đánh giá công việc thực tế của đội ngũ nhân viên để hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo thực tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động phục vụ, hỗ trợ.

8. Cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học phù hợp vào học CTĐT. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT. Cần tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, chú trọng tổ chức các seminar học thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật...; tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần sớm nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Cần gia tăng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.



11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo... của CTĐT KT XD với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần đảm bảo đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đúng quy định. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường việc làm của sinh viên; cần tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

Số: 19/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường
Trường Đại học Mô-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mô-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mô-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mô-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mở-Địa chất
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66.7	Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4						
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100			
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66.7	Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4						
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66.7	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4						
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		3,60	3	60	Tiêu chí 9.4	5						
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	5				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4						
					Tiêu chí 11.5	4						
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)					
3,94					44		88					



PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật môi trường (KT MT) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT MT giai đoạn 2015-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam, được phổ biến rộng rãi. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có thể đo lường được mức độ đạt được. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học được thiết kế phù hợp, phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức; đề cương chi tiết các học phần đầy đủ nội dung theo quy định, có cập nhật những kiến thức mới về khoa học chuyên ngành. Các hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, được triển khai thực hiện đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được quản lý và đánh giá theo quy trình với các tiêu chí cụ thể. Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện sức khỏe. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao đáp ứng tốt yêu cầu công việc về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập và triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT MT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu CTĐT cần được bổ sung năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực tự học và học tập suốt đời, năng lực hướng dẫn và phổ biến kiến thức của người học. Chuẩn đầu ra cần rà soát, điều chỉnh, đảm bảo rõ ràng, đo lường và đánh giá được, chú ý đến sự

phù hợp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Cần huy động đầy đủ và hiệu quả hơn sự tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT; tăng cường hơn nữa việc phổ biến, công khai mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT đến các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bổ sung mà trận thể hiện sự đóng góp của học phần, thể hiện sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

3. Chương trình dạy học cần thể hiện đầy đủ về kiến thức, kỹ năng cần đạt được, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được chuẩn đầu ra CTĐT, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai. Cần bổ sung nguồn lực để thực hiện CTĐT, nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, thiết bị dạy và học, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong rà soát điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của CTĐT đến các bên liên quan. Triết lý và Mục tiêu giáo dục cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của CTĐT. Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học, chú trọng các phương pháp dạy học kết hợp, mô hình đảo ngược, lớp học trực tuyến, học tập trải nghiệm; các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần hướng tới hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với những tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ; cần có hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung cập nhật những chính sách về công tác cán bộ. Cần hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; triển khai công tác quản lý, đánh giá việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các chỉ số cụ thể. Cần rà soát các quy định, điều chỉnh, bổ sung những

chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp. Cần có giải pháp gia tăng hoạt động khoa học công nghệ theo hướng thương mại hóa, gắn liền với nhu cầu thực tiễn.

7. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc cho đội ngũ nhân viên theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả hoạt động. Cần rà soát, đánh giá công việc thực tế của đội ngũ nhân viên để hướng dẫn các đơn vị rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo yêu cầu thực tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ.

8. Cần tăng cường và đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học phù hợp vào học CTĐT. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT. Cần xây dựng và nâng cao hiệu quả hệ thống theo dõi, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập; cần tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, chú trọng tổ chức các seminar học thuật, hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật..., tăng cường hơn nữa các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên

trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo... của CTĐT KT MT với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần đảm bảo đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đúng quy định. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường việc làm của sinh viên; cần tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 
